

HÌNH TƯỢNG NGƯỜI LÍNH TRONG NHẬT KÍ CHIẾN TRANH Ở VIỆT NAM 1945-1975

Hoàng Thị Duyên¹

Tóm tắt: Bài viết tiếp cận hình tượng người lính trong nhật ký chiến tranh Việt Nam giai đoạn 1945–1975 như một cấu trúc thẩm mỹ – ý thức đặc thù, nơi giao thoa giữa trải nghiệm cá nhân và diễn ngôn lịch sử. Trên cơ sở khảo sát các văn bản tiêu biểu, bài viết nhận định nhật ký chiến tranh không chỉ là hình thức ghi chép hiện thực mà còn là không gian tự ý thức, nơi con người đối diện, lí giải và kiến tạo ý nghĩa tồn tại của mình trong điều kiện gian khổ. Trong chỉnh thể đó, hình tượng người lính hiện lên với tính đa tầng: vừa là chủ thể mang lí tưởng cách mạng cao đẹp vừa là con người trực diện với gian khổ, cái chết và sự mất mát, hi sinh; đồng thời cũng là một cá thể giàu đời sống nội tâm, yêu thương mãnh liệt, mơ ước khát vọng cháy bỏng và không ngừng tự phản tư. Bài viết khẳng định vai trò bổ khuyết quan trọng của nhật ký trong việc mở rộng nhận thức về chiến tranh theo hướng đa chiều, góp phần tái định hình hình tượng người lính như một chỉnh thể vừa mang tầm vóc sử thi, vừa thấm đẫm chiều sâu nhân văn – qua đó phản ánh bền vững hệ giá trị tinh thần của con người Việt Nam trong chiến tranh vệ quốc.

Từ khoá: hình tượng người lính, nhật ký chiến tranh, văn học 1945 - 1975, văn học cách mạng

1. MỞ ĐẦU

Trong lịch sử văn học Việt Nam, nhật ký chiến tranh nở rộ mạnh mẽ ở thời kì kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (1945–1975). Dưới bối cảnh toàn dân tộc hướng về lí tưởng độc lập, tự do, nhu cầu ghi chép đời sống cá nhân trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Những con người từ nhiều tầng lớp như nông dân, trí thức, học sinh, sinh viên, văn nghệ sĩ... đã sử dụng nhật ký như một phương tiện lưu giữ trải nghiệm, cảm xúc và suy tư giữa hiện thực khốc liệt. Nhật ký chiến tranh vì thế vừa mang tính cá nhân sâu sắc, vừa là chứng tích lịch sử sống động. Những trang viết của Đặng Thùy Trâm, Nguyễn Văn Thạc, Dương Thị Xuân Quý, Nguyễn Ngọc Tấn... không chỉ ghi lại hiện thực khốc liệt thời chiến mà còn khắc hoạ rõ nét hình tượng người lính gắn với hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Hoàn cảnh sáng tác trở thành yếu tố quy định nội dung và chiều sâu biểu hiện, qua đó làm nổi bật chân dung tinh thần của người lính.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Nhật ký chiến tranh Việt Nam ra đời trong những năm tháng khốc liệt của các cuộc kháng chiến 1945–1975, là những trang viết thấm đẫm hơi thở đời sống chiến trường và nhịp đập của một thế hệ thanh niên đi qua lửa đạn. Không chỉ ghi lại sự kiện, đó còn là

¹ Trường ĐHSP Hà Nội 2

nơi người lính gửi gắm những rung động sâu kín nhất của tâm hồn: nỗi nhớ nhà da diết, những ước mơ còn dang dở, những phút yếu lòng rất đời con người xen giữa ý chí kiên cường và lí tưởng sáng rõ. Qua từng dòng chữ mộc mạc mà chân thành, hình ảnh người lính hiện lên vừa anh dũng, giàu lòng yêu nước, vừa giàu cảm xúc và luôn trăn trở về ý nghĩa của sự sống trong ranh giới mong manh giữa sống và chết. Dù nhiều cuốn nhật kí chỉ được tìm thấy và công bố sau chiến tranh, như *Nhật kí Đặng Thuỳ Trâm* hay *Mãi mãi tuổi 20...*, những trang viết ấy vẫn giữ nguyên sức nóng của thời đại, như những tiếng nói vọng về từ quá khứ. Ở đó, người lính không chỉ chiến đấu bằng súng đạn, mà còn bằng niềm tin, bằng khát vọng sống và bằng cả một đời sống nội tâm mãnh liệt—làm nên một hình ảnh vừa cao đẹp, vừa gần gũi, chạm đến chiều sâu cảm xúc của nhiều thế hệ.

2.1. Hình tượng người lính với vẻ đẹp người sáng nơi chiến trường khói lửa

2.1.1. Người lính với lí tưởng cách mạng cao đẹp

Trong những cuốn nhật kí chiến tranh, chủ thể trần thuật phần lớn là những cá nhân trực tiếp tham gia vào đời sống kháng chiến, tức những người lính vừa là người trong cuộc, vừa là người ghi chép hiện thực. Chính hoàn cảnh tồn tại đặc thù ấy đã quy định một cách căn bản diện mạo của hình tượng tác giả: họ không xuất hiện như những quan sát viên bên ngoài mà hiện lên với tư cách người lính cách mạng, gắn bó hữu cơ với không gian chiến trường và vận mệnh dân tộc. Tuổi trẻ, thậm chí toàn bộ đời sống cá nhân của họ, được đặt trọn vẹn trong quỹ đạo của cuộc chiến tranh vệ quốc. Ở đó, họ luôn hiện lên với lí tưởng cách mạng sáng ngời. Tiếp cận những trang nhật kí chiến trường giai đoạn 1945–1975, người đọc không chỉ nhận diện được khí thế hào hùng của một dân tộc đứng lên bảo vệ Tổ quốc, mà còn cảm nhận sâu sắc sức lan toả của lí tưởng cách mạng cùng tinh thần lạc quan bền bỉ của một thế hệ. Hiện thực chiến tranh khốc liệt không chỉ được ghi dấu trong những trang văn mang tầm vóc sử thi, mà còn được lưu giữ qua những ghi chép giàu tính tự bạch của những con người trẻ tuổi, những chủ thể mang trong mình niềm tin kiên định vào tương lai thống nhất đất nước. Các văn bản nhật kí không hướng tới việc kiến tạo một bức tranh lí tưởng hoá, mà tái hiện chiến tranh trong tính đa diện và chân thực của nó, với những sắc độ đan xen giữa bi kịch và cảm hứng lạc quan. Qua từng trang viết, hình ảnh người lính hiện lên không chỉ ở phẩm chất dũng cảm trước gian nguy, mà còn ở khả năng duy trì niềm tin, nụ cười và những dự cảm về một tương lai hoà bình. Chính nhờ những diễn ngôn mang tính cá nhân ấy, hậu thế có thể nhận thức rằng bản hùng ca của thời đại không chỉ được cấu thành từ hi sinh và mất mát, mà còn được nâng đỡ bởi hệ giá trị tinh thần – nơi lí tưởng và niềm tin đóng vai trò như những trụ cột bền vững của ý thức thời đại. Tiêu biểu trong đó là những dòng tâm tư của Nguyễn Văn Thạc, người đã mãi mãi ghi dấu ấn tuổi hai mươi của mình với lịch sử dân tộc. Anh đã từng tâm niệm về lí tưởng cách mạng, tinh thần yêu nước bất diệt: *Ta đi theo tiếng gọi của miền Nam, và cả sự thôi thúc của miền Bắc đang khôi phục - Một nhà ga Ninh Bình vừa dựng bên núi đá, một dòng sông Đáy xanh lững lờ trôi vào bài thơ trữ tình ngọt lịm của Tố Hữu, một chùa Non Nước còn âm vang chiến công của tổ ba người Giáp Văn Khương...*

Tất cả đang giục giã anh chiến sĩ, hãy đi đi, hãy đi - và chiến thắng. [11, tr.190]. Với nhiệt huyết của tuổi trẻ cùng tinh thần yêu nước cháy bỏng, anh đã ghi lại tâm trạng nôn nóng khi chưa được góp mặt trong đoàn quân ra trận: *Ta biết giấu mặt vào đâu, vào gấu quần hay gấu áo, khi đường Trường Sơn không có dấu chân ta? Khi cả cuộc đời ta chưa có niềm vui mãnh liệt của người chiến thắng, cấm cò Tổ quốc trên cả nước thân yêu* [11], hay đó là lí tưởng cách mạng sáng ngời: *Trên mũ là ngôi sao. Ta lặng ngắm ngôi sao... Bây giờ ta đọc trong ngôi sao ấy, ánh lửa cầu vồng của trận công đồn, màu đỏ của lửa, của máu, ... Ta như thấy trong màu kỳ diệu ấy, có cả hồng cầu trái tim ta...* [11]. Với một nữ bác sĩ kiên cường như Đặng Thuỳ Trâm, lí tưởng cũng luôn là ngọn lửa dẫn đường để nâng đỡ niềm tin và hi vọng cũng như quyết tâm chiến đấu vì sứ mệnh cao cả: *Con cũng là một trong muôn nghìn người đó, con sống chiến đấu và nghĩ rằng mình sẽ ngã xuống vì ngày mai của dân tộc. Ngày mai trong tiếng ca khải hoàn sẽ không có con đâu. Con tự hào vì đã dâng trọn đời mình cho Tổ quốc. Dĩ nhiên con cũng cay đắng vì không được sống tiếp cuộc sống hoà bình hạnh phúc mà mọi người trong đó có con đã đổ máu xương để giành lại. Nhưng có gì đâu, hàng triệu người như con đã ngã xuống mà chưa hề được hưởng trọn lấy một ngày hạnh phúc. Cho nên có ân hận gì đâu*” [16]. Có thể nhận diện hình tượng người lính như một chủ thể mang sứ mệnh lịch sử: chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc và giành lại độc lập, tự do cho dân tộc. Ý thức về sứ mệnh này không tồn tại ở dạng trừu tượng, mà được nội tâm hoá thành hệ giá trị chi phối toàn bộ đời sống tinh thần và hành động của người lính. Họ sẵn sàng chấp nhận sự đánh đổi từ tuổi trẻ, tình yêu, cơ hội phát triển cá nhân cho đến sinh mệnh của chính mình, nhằm hướng tới mục tiêu chung của cộng đồng dân tộc.

2.1.2. Người lính sẵn sàng đối diện với thử thách gian lao

Trong cấu trúc tự sự của nhật kí chiến tranh, hình tượng người lính được xác lập trước hết như một chủ thể tồn tại trong điều kiện cực hạn, trực diện đối đầu với những gian khó mang tính toàn diện của chiến tranh. Đó không chỉ là sự thiếu thốn về vật chất hay những giới hạn khắc nghiệt của môi trường sinh tồn, mà còn là trạng thái bất ổn thường trực của đời sống tinh thần khi con người phải sống trong ranh giới mong manh giữa sự sống và cái chết. Tuy nhiên, các dữ kiện hiện thực ấy không đơn thuần được ghi nhận như những yếu tố ngoại tại, mà được nội tâm hoá, chuyển hoá thành những trải nghiệm mang tính ý thức, qua đó phản ánh năng lực thích ứng và cơ chế tự điều chỉnh của chủ thể trước hoàn cảnh.

Trên bình diện diễn ngôn, việc tái hiện gian khổ không nhằm mục đích phơi bày tính khốc liệt của chiến tranh một cách thuần tuý, mà còn góp phần kiến tạo một hệ quy chiếu giá trị, trong đó nghịch cảnh trở thành không gian thử thách và xác lập bản lĩnh con người. Chính trong hành trình đối diện, chịu đựng và vượt qua những điều kiện tồn tại đặc biệt ấy, hình tượng người lính dần được định hình như một chủ thể có ý thức, nơi ý chí cá nhân được nâng đỡ bởi lí tưởng thời đại. Nhờ đó, hình tượng này không chỉ mang ý nghĩa phản ánh hiện thực, mà còn hàm chứa chiều sâu nhân văn, góp phần làm rõ khả năng của

con người trong việc vượt qua giới hạn của hoàn cảnh lịch sử. Nhật ký Nguyễn Văn Thạc lại ghi về cái nắng gay gắt như thiêu đốt của đất trời Hà Tĩnh. Đó có khi lại trở thành kỉ niệm chung của những người lính ở những nơi riêng biệt nhau, họ đều đã đi qua sự nếm trải của cái nắng lửa gay gắt, hay những dòng văn của nhà giáo Võ Tề cùng đồng đội vượt Trường Sơn gian khổ: *Nắng trở nên đe dọa lớn. Nắng như thiêu đốt, mặc dù mới tháng hai. Nhất là vào lúc mười hai giờ đến một giờ. Trên nắng đội xuống dưới hơi nóng bốc lên* [12]. Phạm Việt Long thì viết lại cái nóng khắc nghiệt khi hành quân qua khu đồi tranh rằng: *Tôi đi, trần trụi hai cảm giác khát và nóng, tưởng như đi trong một cái nồi rang khổng lồ, kì quái* [5]. Người chiến sĩ đã phải trải qua bao gian khổ nhưng ý chí quyết chiến, tinh thần cách mạng không hề lung lay. Ngoài cái nóng, người lính còn trải qua bao kỉ niệm về khu rừng thiêng nước độc đầy vất vả luôn rình rập tấn công người lính. Phạm Việt Long đã cực tả cảnh tượng ghê rợn: *Chúng tôi dựng dậy bước chân là lập tức hàng trăm con vắt đôi nằm phục dưới lá góc đầu dây bò đến bu vào chân cắn chúng tôi, thật là lúc nha lúc nhúc như vắt mùa mưa, ở các kẽ chân, quai dép, vắt hàng bụi* [5]. Trong những trang viết, người lính hiện lên không giống tư thế của nhà thám hiểm hay chủ thể của thiên nhiên mà giống nạn nhân lạc bước vào chốn thâm sâu rừng già. Đường hành quân đầy bão tố, bão bên ngoài và cả bão trong lòng nhưng họ vẫn phải đối diện và vượt qua với tinh thần sắt đá. Hình tượng người lính chiến đấu giữa cái khốc liệt tàn bạo và cái chết vẫn như một án treo, họ có thể bỏ mạng bất kì lúc nào giữa tiếng súng thù hoặc nơi rừng thiêng nước độc. Bao người đã ngã xuống thẫm lặn, có người chết vì đạn bom, có người chết vì đói, có người chết vì bệnh tật. Không mảnh đất nào trên đất nước Việt Nam không là quê hương của liệt sĩ. Dầu biết sẽ hi sinh nhưng người lính mang trong mình lí tưởng cao đẹp và sức mạnh ngọn lửa tinh thần, lòng căm thù giặc nên họ sẵn sàng xung quân công hiến cho cách mạng hết mình. Chính sự tôi luyện này khiến người lính trở nên ngày càng mạnh mẽ, kiên cường hơn. Điều ấy đã được ghi lại qua mỗi trang nhật ký lưu giữ cuộc chiến đấu gian lao, hào hùng và bi tráng của bản thân tác giả nhật ký chiến tranh và của cả dân tộc.

Bên cạnh đó, những khó khăn được tái hiện qua hình tượng người lính ở những trang viết đó là họ phải vật lộn với cái đói, cái rét, bệnh tật hành hạ. Cái đói không chỉ là một chi tiết hiện thực mà còn trở thành trải nghiệm thường trực, chi phối đời sống thể chất và tinh thần. Bên cạnh đó là thiên nhiên khắc nghiệt – rừng sâu, mưa rừng, nắng lửa, côn trùng, bệnh tật... tất cả tạo nên một không gian sinh tồn đầy thử thách: Trong *Mãi mãi tuổi hai mươi*, Nguyễn Văn Thạc đã ghi lại chi tiết những gian khổ trong quá trình huấn luyện và hành quân của một tân binh. *“Hôm nay, đi bên sông dưới cái nắng chang chang, trên vai là ba lô con cóc của Trường Sơn. Không thể nói là nhẹ được. Quai đeo thít vào vai, ép lồng ngực lại. Đau và bỏng rát, rất khó thở. Đè lên hông, ép vào lưng, ướt đầm đìa là mồ hôi ta đấy”*; *“tiến về phía đó, 600 con người gò lưng mà bước, 30 kg trên lưng, đường bụi... Phải, lần nào hành quân cũng vậy. Không còn nghĩ ngợi được gì nữa. Thiên nhiên thu hẹp bằng nắp vung dưới gót chân người đi trước. Không gian như co, như dòn, như ép, ép mạnh vào khắp cơ thể, vào cổ, vào vai, vào lưng, vào chân. Mệt lắm, nặng*

*lắm. Sự thật gồ ghề biết chừng nào”; ...[11, tr.36]. Trên mỗi bước đường hành quân, sự gian khổ hiện lên muôn hình vạn trạng. Hầu hết các nhật kí chiến tranh giai đoạn này đều ghi chép sinh động về cái đói, cái rét và bệnh tật mà những người lính phải đối mặt. Trong *B trọc*, Phạm Việt Long ghi lại cảnh đói triền miên của những người lính bám địch trên mặt trận, thậm chí phải đổi gạo bằng máu, rất tiêu biểu cho những trang nhật kí chiến tranh: “Tôi đi kiếm môn dóc. Môn dóc là loại rau dại mọc rải rác trong rừng, trông gần giống các loại khoai môn nhưng lá dài và nhỏ hơn. Tôi lượm khắp rừng mà chỉ lần được vài cây. Chúng tôi hái lá, tước cọng, rửa sạch để chuẩn bị nấu canh. Thật đã đói thì một cọng rau cũng quý. Cái thứ môn dóc ấy nấu lên mùi bay như cám lợn, song lúc nào cũng quý như rau muống vậy. Tôi ra máng nước, nhặt lại mấy đầu máu sắn anh em vứt bữa trước, tuy nó xương xẩu và đã chấy nhựa thâm lại nhưng vẫn quý, vì nó còn chút chất bột. Tất cả những thứ đó – 1/3 lon gạo, mấy cọng môn dóc, mấy đầu máu sắn, tôi dồn cả vào hăng gô, nấu nhừ ra. Bữa cháo ấy mới ngon lành làm sao” [5, tr.74]. Không chỉ phải chịu đựng cái đói, cái rét, bệnh tật, đặc biệt là sốt rét rừng đã trở thành nỗi khiếp sợ với những người lính ở chiến trường. Trong nhật kí chiến trường, có không ít cái chết thương tâm, không phải bởi bom đạn quân thù, mà bởi những cơn sốt ác tính. Đây là một cái chết thương tâm như thế được Chu Cẩm Phong ghi lại: “Điều đã bị chết, chết một cách vô lý. Mấy hôm trước đó Điều sốt rét. Anh sang ở với tôi cho gần y tá để tiện tiêm thuốc. Sau đó anh khỏi nhưng sức vẫn yếu và phải hành quân. Tới dòng suối lớn chảy xuôi về A7, Điều tụt lại đi sau. Và điều không ngờ đã xảy đến: Anh ngã giữa, ngồi dựa vào ba lô, ngâm mình trong nước suối mà chết” [7]. Còn trong *Nhật kí chiến trường*, Dương Thị Xuân Quý đã nêu rõ những khó khăn khiến việc ghi chép bị gián đoạn. Đó là những khi ốm mệt, bị hành hạ bởi những cơn sốt rét triền miên, và cũng có khi do đói, kiệt sức và không thể viết, ... Sự khắc nghiệt của chiến tranh đã ảnh hưởng trực tiếp đến thói quen viết của chị: “Mưa lâm thâm, mình nằm trong một cái lán giữa rừng và viết nhật kí dưới ánh đèn pin đây” [8]. Đặc biệt, cái chết luôn hiện hữu như một khả thể gần kề. Người viết nhật ký vừa là nhân chứng, vừa là người trong cuộc của một thế giới mà ranh giới sống – chết hết sức mong manh. Chính vì vậy, mỗi dòng viết đều mang tính “cận kề tồn tại”, tạo nên độ chân thực và sức ám ảnh mạnh mẽ. Đi kèm cái đói, người lính còn phải chống chọi với thiên nhiên, với môi trường sống khắc nghiệt. Mỗi một đơn vị chiến đấu ở khu vực nào đều phải đối mặt với sự gian khổ ở khu vực ấy như thời tiết nắng mưa, gió bão hay rắn rết, hoặc vắt muỗi, trùng độc nơi rừng sâu. Đặng Thuỳ Trâm ít khi ghi lại những gian khó trở ngại do tự nhiên mang đến trong cuộc sống ở trạm quân y. Thế nhưng đôi khi cũng có dòng nhật ký vừa đầy tâm trạng như thế này: 24.1.70 *Đêm lạnh vì những hạt sương té buốt, trăng sáng như gương, cái lạnh cũng như những lưỡi dao lùa khẽ vào da thịt. Lốp dù mỏng không đủ ấm làm mình run lên khe khẽ, cái lạnh làm mình thao thức và hình như có một tình thương sôi nổi cũng tràn ngập trong lòng mình.* Hay cơn mưa rào nơi Đức Phổ cũng đi vào trang văn của cô: 14.6.70 (...) *Chiều hôm qua trời mưa như trút nước, bọn mình đem nylon trải kín mặt nền nhà vậy mà nước vẫn đổ xuống giàn giụa. Trong nhà lênh láng nước, đũa nào đũa nấy ướt sũng, luôn tay hứng mưa dột và đổ nước**

ra ngoài. *Máy thương binh ngồi co ro ướt lướt thướt* [16]. Dù mưa dù nắng cô bác sĩ trẻ vẫn trong tư thế sẵn sàng đối diện và lo lắng cho thương binh và đồng đội trước tiên, ở đó ta cảm nhận được hình tượng một người lính quân y mang trái tâm âm áp mà rộng lớn vô cùng.

Tuy nhiên, giá trị của hình tượng người lính không dừng lại ở việc phản ánh hiện thực mà còn ở khả năng vượt lên trên hiện thực ấy. Trong nghịch cảnh, người lính vẫn duy trì ý chí sống, niềm tin và tinh thần lạc quan. Như quan niệm của Friedrich Nietzsche, con người có thể chịu đựng mọi hoàn cảnh nếu có lí do để sống; với người lính, lí tưởng giải phóng dân tộc chính là nguồn sức mạnh tinh thần căn bản.

2.1.3. Hình tượng người lính chiến đấu anh dũng, xả thân nơi chiến trường khốc liệt

Không chỉ sáng ngời lí tưởng cách mạng, chịu đựng mọi gian khó, hình tượng người lính trong nhật ký chiến tranh hiện lên như chủ thể trực tiếp sống và chiến đấu trong hoàn cảnh khắc nghiệt. Nhiều trang viết ghi lại một hiện thực trần trụi: đói khát, bệnh tật, thiếu thốn vật chất, cùng môi trường tự nhiên khắc nghiệt và hiểm nguy. Trong những trang viết ấy, người lính phải lặn lội với lửa đạn, vào sinh ra tử để có được một mẩu tin chiến trường nóng hổi: *Một mẩu tin chỉ phát trong một phút, nhưng để có mẩu tin đó, chúng tôi đã phải ăn cơm vắt, muối trắng, nằm hàng ngày chờ địch. Phải tẩm B52, “tắm” bom, “tắm” pháo suốt và trần mình cả ngày suốt trận đánh với những khẩu súng có trong tay. Chúng tôi đã phải đổi mẩu tin đó bằng lòng dũng cảm kiên cường, chí căm thù, và bằng mồ hôi, bằng máu* [4]. Người lính đã sẵn sàng đánh đổi bao gian khổ cực nhọc hiểm nguy để đưa được một mẩu tin chiến thắng. Đằng sau sự thắng lợi vẻ vang bao giờ cũng mang bóng dáng bi tráng kiên cường của nhiều thế hệ quân nhân, những người không thể nêu hết tên, kể hết chuyện đời về họ. Mang đậm dấu ấn của một chủ thể trải nghiệm trực tiếp, đối diện thường xuyên với những điều kiện sinh tồn khắc nghiệt: gian khổ vật chất, thiếu thốn kéo dài, trạng thái sinh tử bất định và bạo lực chiến tranh ở cường độ cao nhưng tinh thần anh dũng vẫn giúp họ vượt mọi gian khó. Hiện thực chiến tranh được tái hiện không qua lăng kính lý tưởng hoá hay mỹ lệ hoá, mà bằng một giọng điệu chân thực, giàu tính trải nghiệm, khiến mỗi trang viết như mang theo “nhiệt độ” của chiến trường, nơi hiện thực dường như còn đang “sống lại” trong từng con chữ. *Nhật ký Nguyễn Ngọc Tấn* từng tranh thủ ghi lại trong những giờ phút chiến tranh ác liệt: *Liên tục chiến đấu. Mới sắp xếp mang chiến thương về được tới căn cứ lại nhận được lệnh đi tiêu diệt nốt cái đồn còn lại. Đã rồi! Hết lòng diệt đế quốc, diệt kẻ thù chung của nhân loại. Nước Khome và Việt Nam anh dũng muôn năm. Mình hớn hờ lên đường* [10]. Giữa khói lửa chiến trường, nơi cái chết luôn cận kề và cuộc chiến không một phút ngơi nghỉ, tinh thần của Nguyễn Thi vẫn toả sáng như một nguồn lực cổ vũ mạnh mẽ, tiếp thêm ý chí cho những con người cùng chung sứ mệnh. Qua trang viết chân thật mộc mạc, hình tượng tác giả - người lính không chỉ chiến đấu bằng vũ khí mà còn bằng một niềm tin sắt son: biến đau thương thành hành động, biến tình yêu nước thành sự dâng hiến trọn vẹn. Lợi ích của nhân dân, thắng lợi của cách mạng luôn được đặt lên trên hết, vượt lên cả những toan tính và tồn tại cá nhân.

Chính vì vậy, Nguyễn Thi đã để lại một hình tượng người lính mang đậm sắc thái sử thi anh hùng – nơi hội tụ của lòng dũng cảm, tinh thần xông pha và ý chí quật cường hiên ngang bất khuất. Hình tượng ấy không chỉ là dấu ấn cá nhân, mà còn là biểu trưng tiêu biểu cho vẻ đẹp của một thế hệ đã sống và chiến đấu hết mình vì Tổ quốc. Và trong lời văn ta thấy lòng nhiệt thành hồ hởi, lòng tự hào dân tộc trực tiếp bộc lộ vào mỗi trang nhật ký. Hoàng Thượng Lân, người lính trực tiếp cầm súng chiến đấu nơi tuyến đầu đã ghi lại: *“Viết trong khi đang còn trong xúc động mạnh. Một quả pháo vừa nổ rất gần, trúng ngay nhà bác Sĩng. Có tiếng la to, mình đang viết, chạy lên. Đồng chí Trung ở A8 bị thương. Mọi người gọi y tá, bật đèn lên... cả cánh tay trái anh ấy bị giập nát, máu chảy loang lổ”*[4]... Vũ Xuân thì viết những dòng nhật kí ngay trong hầm chỉ huy, ngay bên cạnh địch trong lần sinh tử: *“Lưu lại những suy nghĩ trong cái không gian đặc biệt này mới thật có ý nghĩa. Trong căn hầm chỉ huy giữa trận địa pháo cách địch không đầy 2 km, trên một điểm cao sát dãy không tên có một khoảng thời gian mà tiếng pháo, tiếng máy bay đều im ắng”*[18].

Như vậy, hình tượng người lính xả thân trong lửa đạn được miêu tả như một chủ thể hành động mang ý thức hi sinh cao độ. Trong điều kiện tồn tại khốc liệt, cá nhân chủ động đặt lợi ích dân tộc lên trên sinh mệnh riêng, qua đó chuyển hoá hành động chiến đấu thành biểu hiện của lí tưởng. Hình tượng này không chỉ phản ánh hiện thực chiến tranh mà còn khẳng định chiều sâu nhân cách và giá trị sử thi của con người thời đại.

2.1.4. Hình tượng người lính với tinh thần lạc quan và tâm hồn lãng mạn, tinh tế

Trong nhật kí chiến tranh, hình tượng người lính được kiến tạo nổi bật ở tinh thần lạc quan và niềm tin tất thắng, như một phần quan trọng của cấu trúc ý thức hệ thời chiến. Trước những điều kiện tồn tại khắc nghiệt – bao gồm thiếu thốn vật chất, áp lực sinh tồn và sự hiện diện thường trực của cái chết – người lính không rơi vào trạng thái bi quan hay khủng hoảng tinh thần, mà ngược lại, họ duy trì một hệ quy chiếu nhận thức mang tính tích cực, đặt nền tảng trên niềm tin vào tính chính nghĩa của cuộc chiến và triển vọng tất yếu của thắng lợi dân tộc.

Xét về phương diện diễn ngôn, tinh thần lạc quan này không phải là biểu hiện cảm xúc nhất thời, mà là kết quả của quá trình nội tâm hoá lí tưởng cách mạng, qua đó chuyển hoá thành một cơ chế tự điều chỉnh tâm lí và nhận thức của chủ thể. Niềm tin tất thắng được biểu hiện qua nhiều cấp độ: từ những phát ngôn mang tính khẳng định trực tiếp đến những chi tiết đời thường giàu tính biểu tượng, phản ánh khả năng duy trì trạng thái cân bằng tinh thần trong hoàn cảnh cực hạn. Nhờ đó, hình tượng người lính không chỉ được xác lập như một chủ thể hành động trong lịch sử, mà còn như một chủ thể ý thức, trong đó niềm tin và tinh thần lạc quan đóng vai trò như những thiết chế tinh thần giúp con người vượt qua giới hạn của hoàn cảnh, hướng tới những giá trị mang tính mục đích luận của tương lai.

Hình tượng người lính luôn có một niềm tin sắt đá vào tương lai tươi sáng. Họ tự thấp ngọn lửa niềm tin trong lòng để vượt qua những bão giông, hiểm nguy của chiến

trận. Đặng Thùy Trâm đã tự nhen lửa trong lòng mình, đã tự động viên chính mình rằng: *Đêm đêm mình mơ thấy miền Bắc... Ngày ngày mình ước ao mong đợi... Ôi Th. ơi! Đường đi còn gian lao, Th. còn phải bước tiếp chặng đường gian khổ đó. Hãy kiên trì nhẫn nại hơn nữa nghe Th.* Hay có lúc cô động viên đồng chí của mình trong túi cực: *oi những người thương binh mà tôi thương yêu như những người ruột thịt, hãy cười lên trong gian khổ, hãy giữ mãi mối lạc quan vô bờ bến* [16]. Một đặc trưng nổi bật khác là vẻ đẹp của tâm hồn lãng mạn, tinh tế giàu cảm xúc của người lính. Trong nhiều nhật ký, thơ ca xuất hiện như một phương tiện biểu đạt cảm xúc, tâm hồn của họ. Họ không chỉ chiến đấu mà còn sáng tác, ghi chép thơ hoặc trích dẫn thơ như một nhu cầu tinh thần. Nhật ký văn học bao giờ cũng có khác biệt so với những nhật ký phi văn học bởi người viết đã đưa vào nội dung đậm trữ tình, lối viết kết hợp giữa văn xuôi và thơ, ngôn ngữ và giọng điệu đa dạng. Đặc biệt khi tác giả sử dụng chất liệu thơ ca sẽ càng làm đậm đà màu sắc văn học từ đó tăng lên giá trị của tác phẩm. Qua việc sử dụng thơ ca trong ghi chép nhật kí, hình tượng người lính được làm nổi bật ở tâm hồn thi nhân lãng mạn. Điển hình là Nhật ký của những chiến sĩ trẻ tuổi như Nguyễn Văn Thạc, Đặng Thùy Trâm, Hoàng Thượng Lân, Dương Thị Xuân Quý... đều viết rất nhiều thơ trong nhật ký của mình. Đó là thơ của chính tác giả hoặc những vần thơ của người khác mà họ tâm đắc. Tác giả cũng viết lại không ít bài thơ vào nhật ký của mình, có bài đã được đặt tên và nhiều bài cảm tác bất chợt.

Nhật ký Lê Anh Xuân có bài đã ghi lại nỗi nhớ quê hương khi gió lạnh lạnh như gió chướng quên nhà:

*Mùa oi gió chướng đã về
Lá dứa xào xạc lá tre rì rào
Quê hương xa lắc phương nào
Cho ta nhắn gửi mấy câu gió à
Đường về quê nội xa xa...*

Qua mỗi chặng đường hành quân, mỗi trải nghiệm đời lính, Ca Lê Hiến thường nhẩm đọc và ghi lại những vần thơ bất chợt nảy ra. Những người chiến sĩ trẻ thỉnh thoảng vẫn ngâm lên bài thơ nào đó để khích lệ đồng viên anh em, chia sẻ với nhau thơ ca qua mỗi chặng hành quân. Tâm hồn người lính trẻ thật quá đổi nên thơ. Trong quá trình tham gia cách mạng chiến đấu ở chiến trường, nhà thơ Ca Lê Hiến viết rằng không quên làm thơ để kịp đăng báo, như bài *Chào Đông Xuân* chẳng hạn. Đọc *Nhật ký Lê Anh Xuân* ta thấy lối viết của nhà thơ Ca Lê Hiến ngắn, gọn ghẽ, không giống như lời lẽ bay bổng mượt mà của nhà thơ. Thế nhưng chính những bài thơ mang tâm hồn của Ca Lê Hiến, những bài mà tác giả để lại đã ghi dấu ấn vào thế giới tinh thần của rất nhiều thanh niên thế hệ bấy giờ tiếp bước anh.

Hình tượng tác giả là thi sĩ bao giờ cũng mang theo những vần thơ đầy cảm xúc đời lính trong nhật ký của họ. Như nhà thơ Dương Thị Xuân Quý trên đường hành quân vất vả chông gai đã không ngừng sáng tác. Dù làm việc miệt mài như vậy nhưng vì sớm hi

sinh nên số tác phẩm cô để lại không nhiều. Cô viết nên những dòng nhật ký cùng những bài thơ cảm động chủ yếu viết về con gái. Người nữ chiến sĩ, nhà thơ, đồng thời cũng là người mẹ lúc nào cũng đau đáu nhớ về đứa con bé bỏng còn ở lại nơi quê nhà. Cô đã viết khi đóng quân ở rừng Quảng Nam những ngày tháng 7 năm 1968:

*Đêm hành quân không nghỉ
Ánh sao – ánh mắt con
Toả sáng khắp sườn non
Sáng đường ra mặt trận*

*Dù bao nhiêu lặn đạn
Dù trăm dốc nghìn đèo
Có mắt con dõi theo
Mẹ bỗng thêm sức mạnh.*

Cả gia đình nhà thơ vốn có truyền thống cách mạng lâu đời, bi tráng và oanh liệt. Cả hai vợ chồng trẻ đều tình nguyện xin tham gia kháng chiến để lại cô con gái nhỏ bé. Cha mẹ xa con không phải vì không thương mà đúng như nhà thơ đã viết trong nhật ký rằng mẹ sẽ đem về hạnh phúc cho con. Hạnh phúc ấy là cả một trời bình yên của tương lai không còn tiếng súng nổ. Lời văn trong nhật ký của nữ nhà thơ Dương Thị Xuân Quý vốn đã tha thiết, dịu dàng đầy cảm xúc đúng như giọng điệu của các tác giả nữ, thêm vào đó còn đóng góp thêm bóng dáng những vần thơ trong sáng cảm động về tình mẹ con, về lòng yêu nước thiết tha. Điều ấy khiến hình tượng người lính hiện lên trọn vẹn về đẹp của người phụ nữ Việt Nam thời chiến. Mỗi vần thơ ấy đã góp thêm màu sắc trữ tình cho nhật ký, làm nên vẻ đẹp trong các tác phẩm nhật ký chiến tranh. Thơ ca có sức mạnh biểu đạt cao cho tình cảm tha thiết mà tác giả muốn bày tỏ. Trên đường hành quân và trong chiến đấu, nhà thơ được tiếp thêm sức mạnh tinh thần, bộc lộ sự lãng mạn và lạc quan trước thời cuộc. Hình tượng người lính là nhà thơ hiện lên thật đẹp để đáng mến với những ca từ ấy trong nhật ký. Các tác giả trẻ như Lê Anh Xuân hay Nguyễn Văn Thạc cho thấy sự kết hợp giữa chất chiến sĩ và chất thi sĩ. Thơ ca giúp họ duy trì đời sống tinh thần, làm dịu đi hiện thực khốc liệt và nuôi dưỡng lí tưởng. Chính yếu tố này làm cho nhật ký chiến tranh vượt ra khỏi phạm vi tư liệu, trở thành một hình thức sáng tạo văn học đích thực.

Dù sống trong hoàn cảnh chiến tranh, họ vẫn giữ được khả năng cảm thụ cái đẹp. Thiên nhiên trong nhật ký hiện lên với vẻ đẹp tinh tế, giàu cảm xúc: rừng núi, biển cả, trăng sao... Nhật ký thời chiến có thể được xem như một hình thức tự sự giàu tính trải nghiệm, trong đó mỗi trang viết không chỉ ghi lại hành trình sống mà còn phản ánh chiều sâu cảm xúc và nhận thức của chủ thể. Thông qua quá trình hành quân và chiến đấu, các tác giả – đồng thời là người lính – đã tích lũy những trải nghiệm phong phú về con người và thế giới xung quanh, từ đó kiến tạo nên những trang viết mang giá trị thẩm mỹ và nhân văn. Đáng chú ý, dù sống trong hoàn cảnh chiến tranh khốc liệt, họ vẫn duy trì được sự

nhạy cảm đặc trưng của tâm hồn nghệ sĩ, đặc biệt trong cách cảm thụ và tái hiện thiên nhiên.

Từ góc độ rộng hơn, sự hiện diện của thiên nhiên trong nhật ký cho thấy sự tinh tế của cảm quan nghệ sĩ, không chỉ trong văn học chiến tranh Việt Nam mà còn ở các trải nghiệm mang tính toàn cầu. Điều này khẳng định rằng, bên cạnh tư cách người chiến sĩ, tác giả nhật ký còn hiện lên như một chủ thể thẩm mỹ, có khả năng phát hiện và biểu đạt cái đẹp trong mọi hoàn cảnh. Qua đó, hình tượng người lính được hoàn thiện như một chỉnh thể đa diện, kết hợp giữa ý thức chiến đấu và năng lực sáng tạo nghệ thuật.

Những rung động trước thiên nhiên cho thấy một nghịch lí giàu ý nghĩa: chiến tranh không bào mòn cảm xúc thẩm mỹ mà ngược lại, đôi khi còn làm nó trở nên mãnh liệt hơn. Hình tượng người lính vì thế mang dáng dấp của một nghệ sĩ – người không chỉ ghi chép hiện thực mà còn kiến tạo thế giới cảm xúc.

2.1.5. Hình tượng người lính với trái tim giàu tình cảm

Bên cạnh phẩm chất chiến đấu và lí tưởng cách mạng, một phương diện không kém phần quan trọng góp phần hoàn thiện chân dung người lính trong nhật kí chiến tranh chính là đời sống tình cảm sâu sắc của họ. Nhật ký chiến tranh lưu giữ một phương diện ít được chú ý nhưng giàu giá trị nhân văn: tình yêu cá nhân. Trong hoàn cảnh cận kề cái chết, tình yêu trở thành điểm tựa tinh thần quan trọng. Một người khi tình nguyện ra chiến trường chiến đấu, trong lòng họ đều hướng về hậu phương. Nhất là khi họ còn là những người lính trẻ đầy nhiệt huyết, tuổi xuân còn phơi phới trong tim. Mỗi tác giả nhật ký đều để lại trong đó hình bóng người thương của mình, ai cũng có một hay một vài mối tình với bao xúc cảm khó nói nên lời, thậm chí không thể tâm sự cùng người khác. Hình tượng người lính hiện lên trong một tình yêu trẻ trung sôi nổi. Nhật ký của Ca Lê Hiến (Lê Anh Xuân) thường ghi chép lại rất ngắn ở mỗi ngày, ít kể về tâm trạng trong các sự kiện, nhưng ở những trang nhật ký ấy, nỗi nhớ, niềm yêu thương đối với người yêu bao giờ cũng bộc bạch trực tiếp, đơn giản, nồng nàn và thực thà: *Nhớ X.L nhiều, Sắp sang năm mới. H nhớ X.L nhiều. Không biết em đang làm gì, Sang năm mới chúc X.L của H. Hôn em nhiều. Ngủ vắng đêm mơ gặp X.L mặc áo bà ba đen. Nhớ X.L quá! Em đang làm gì đấy hở em? H nghĩ đến tương lai khi thống nhất* [17]. Ngoài những thông tin về chiến sự và đồng đội, tác giả thường viết lại nỗi nhớ người yêu cứ trở đi trở lại trong mỗi giấc mơ, trong những ngày chiến dịch và trên đường đi chiến đấu. Chu Cẩm Phong từng viết: *không bao giờ muốn hai đứa mình là những kẻ tâm thương, tình yêu của mình chật hẹp...* [7, tr.54] để nêu lên lý tưởng của mình về một tình yêu cao thượng đẹp ngời mà mình muốn hướng tới. Hoàng Thượng Lâm thì từng trải qua quá trình tình cảm không dễ dàng, từ chỗ nghi hoặc không biết bản thân có tình cảm gì hay không, đến khi đã yêu thương sâu đậm cô gái tên Thủy. Nhưng rồi điều khó khăn nhất là chàng trai ấy phải tự đấu tranh dần vật với chính mình để từ bỏ mối tình cho đến khi cô đi lấy chồng thì thực lòng chúc phúc cho cô. Tác giả hiện lên là người thận trọng trong tình yêu, sử dụng lí trí để điều khiển chính tình yêu được cho là cảm tính của mình [4]. Ở Thủy Trâm thì tình

yêu hoà lẫn vào tình đồng chí. Cô luôn canh cánh trong tình cảm với M nên có rất nhiều trang nhật ký viết riêng cho M, viết về mỗi tình cảm với M cùng bao suy tư nghĩ ngợi. *Mình quả đúng như lời M. nhận định: Th. có tình yêu đắm say mãnh liệt thủy chung và nhiều tự trọng. Ba năm qua, hai đứa chỉ gặp nhau hai lần, mình và M. đều cảm thấy buồn khi nghĩ đến tình yêu* [16]. Cả hai người đều dành cho nhau rất nhiều tình cảm nhưng hoàn cảnh chiến tranh, lý tưởng sống, trách nhiệm công dân với đất nước và cả lòng tự trọng trong tình yêu, sự kiêu hãnh của người con gái, tất cả đã gây nên sự xa cách và có thể là chia ly mãi mãi. Trong trang viết, Thuỳ Trâm cho thấy cô đã tự nhận thức rõ về chính mình, về tính cách, tình cảm và mối qua hệ của mình. Câu chuyện tình yêu của liệt sĩ Nguyễn Văn Thạc cũng để lại cảm xúc dư âm bùi ngùi tiếc nuối giống như chuyện của Thuỳ Trâm. Đó là một tình yêu trẻ trung, lãng mạn và đầy lý tưởng, đầy mơ ước hứa hẹn về tương lai. Thạc lên đường ra trận, Như Anh đi học nơi nước Nga xa xôi. Họ cách biệt nhau ở hai khoảng trời nhưng luôn có sự liên lạc và thương nhớ: *Chưa bao giờ nhớ Như Anh như hôm nay... Nghe rất rõ tiếng Như Anh cười, nghe rất rõ tiếng Như Anh nói - tưởng như xòe bàn tay là nắm được tay Như Anh rồi* [11,tr.238]. Nỗi nhớ người yêu thường hiển hiện tha thiết trong những trang nhật ký của Nguyễn Văn Thạc, bất kì điều gì cũng dễ khiến anh nhớ đến Như Anh, một cô gái Hà Nội có bàn tay nhỏ nhắn và tâm hồn thật trong sáng đẹp đẽ nhất đời. Họ hẹn nhau ngày trở về Hà Nội với hi vọng hạnh phúc của lứa đôi. Đúng như tác giả tâm sự, họ vượt qua được thời gian và xa cách. Thế nhưng sức mạnh tàn phá thật sự lại là cái chết, cuốn nhật ký đã phải dừng lại ở Ngã ba Đồng Lộc và chàng trai mãi mãi không về. Tình yêu trong chiến tranh thường dang dở, nhưng chính sự dang dở ấy lại làm nổi bật vẻ đẹp chân thành và chiều sâu cảm xúc và đức hi sinh của con người thời chiến.

Mỗi tác giả nhật ký chiến tranh mang vào trang viết của mình một trải nghiệm tình yêu mang tính cá nhân hoá cao, phản ánh những câu chuyện riêng biệt với sắc thái cảm xúc đa dạng như nhớ nhung, yêu thương, giận hờn, đau đớn và tự vấn. Qua đó, hình tượng người lính được khắc hoạ như một chủ thể giàu cảm xúc, thể hiện tình yêu thương sâu sắc gắn với cá tính riêng. Tuy nhiên, điểm gặp gỡ phổ biến giữa các trường hợp này chính là bối cảnh chiến tranh chia ly, khiến tình yêu thường được biểu hiện chủ yếu qua nỗi nhớ – một nỗi nhớ vừa tha thiết vừa khắc khoải.

Tâm hồn giàu tình cảm của người lính còn biểu hiện qua tình cảm sâu sắc với gia đình, quê hương, đất nước. Gia đình là điểm tựa tinh thần bền vững. Hình tượng tác giả thường xuyên hướng về cha mẹ, coi đó là nguồn động viên lớn lao trong hoàn cảnh gian khổ. Dù trường thành và dững cảm đến mức nào người lính vẫn là đứa con thương yêu của một gia đình nào đó. Cho nên hình tượng người lính trong nhật ký chiến tranh luôn có sự gắn bó sâu sắc với mối quan hệ gia đình, luôn hướng về gia đình bằng một tình cảm tha thiết chan chứa thương yêu. Tác giả Hoàng Thượng Lân hướng về cha mẹ ở nhiều trang nhật ký đặc biệt là khi tuyệt vọng nhất. *Mỗi phút giây chiến đấu sa trường là mỗi giây phút phấn đấu không những vì chính mình mà còn vì cha mẹ. Thực lòng con thương*

ba mẹ lắm nhưng ba mẹ nhớ cho, không phải vì thế mà con sợ chết (...) Con chết mẹ sẽ buồn, con đào ngũ để tìm sự sống, ba mẹ cũng sẽ buồn [4]. Tình cảm gắn bó nhiều với người cha đến mức tác giả đã lưỡng lự trước nếu mình hi sinh sẽ gửi lại nhật ký về cho người cha nên đã ghi di bút và địa chỉ rõ ràng. Đặc biệt trong nhật ký Nguyễn Ngọc Tấn, tình cảm mà tác giả dành cho mẹ thường xuyên được ghi chép lại. Ngoài câu chuyện về đồng chí, về cuộc chiến, về tình yêu vợ chồng, tác giả còn kể câu chuyện về tình mẫu tử vô cùng cảm động. Tác giả dùng rất nhiều trang nhật ký viết về mẹ. Cả hai mẹ con đều là chiến sĩ, hăng hái vào Nam tham gia kháng chiến. Tác giả bày tỏ nỗi buồn lo một trong hai hoặc cả hai mẹ con cùng hi sinh thì sao. Nỗi nhớ mẹ cứ day dứt khôn nguôi: *Nhớ mẹ quá!, Mẹ ơi! Chừng nào con mới được gặp mẹ* [10]... Và niềm vui như vỡ òa khi người con trai được gặp lại mẹ mình. Vào năm 1955 tức là sau hơn mười năm trời hi vọng và tuyệt vọng mong nhớ người mẹ kính yêu. *Mẹ tôi đây rồi, nếu phải mất đi tất cả gì để gặp mẹ tôi, tôi cũng vui lòng. Thương mẹ quá* [10]. Tình yêu của Nguyễn Thi dành cho mẹ quả rất đậm sâu, vượt lên trên tất cả. Đó là tình cảm ám áp mà day dứt khiến mọi trái tim đều cảm thông và rung động.

Trong nhật ký của Dương Thị Xuân Quý cũng có đoạn kể về nỗi nhớ nhà, nhớ mẹ: *Nhớ hôm mẹ bé Ly lên để tiễn mình và nhìn theo mình lao xe đã xuống dốc Mễ. Có lẽ đó là lần cuối cùng mình gặp mẹ. Mẹ yếu quá rồi. Chao ôi. Khóc chỉ biết khóc thầm* [8]. Cô bộ đội trẻ nhớ lại những kỷ niệm hạnh phúc giản đơn nơi gia đình nhỏ ở quê nhà, về người mẹ âm thầm dõi bước theo con. Dù bản thân Xuân Quý tự nhận mình là giỏi chịu đựng, không bao giờ muốn bộc lộ cảm xúc. Ấy vậy mà cô khóc rất nhiều vì thương nhớ mẹ, đủ thấy những lúc yếu lòng như thế này, hình tượng tác giả hiện lên như người con gái bé bỏng đầy tình thương yêu cha mẹ.

Những suy tư về gia đình trong nhật kí chiến tranh không chỉ phản ánh phương diện tình cảm cá nhân, mà còn góp phần khẳng định bản chất nhân văn của con người trong điều kiện lịch sử đặc biệt. Dù tồn tại trong hoàn cảnh khắc nghiệt, các quan hệ tình cảm nền tảng – đặc biệt là quan hệ gia đình – vẫn được duy trì như một thiết chế tinh thần bền vững. Thông qua dòng ý thức và hình thức tự bạch của chủ thể trần thuật, nhật kí cho phép nhận diện không chỉ chiều sâu cảm xúc cá nhân, mà còn cấu trúc ổn định của các mối liên kết gia đình trong đời sống con người.

Do đó, hình tượng người lính trong nhật kí chiến tranh không chỉ được xác lập ở những phẩm chất thường được nhấn mạnh như ý chí, tinh thần dấn thân hay cảm hứng lãng mạn, mà còn được mở rộng trên bình diện tình cảm gia đình, trong đó nổi bật là tình mẫu tử như một giá trị mang tính phổ quát và bền vững. Chính lớp trải nghiệm nội tâm giàu tính nhân bản này đã gia tăng chiều sâu cho hình tượng tác giả, đồng thời góp phần kiến tạo một hệ giá trị nhân văn, nơi con người hiện lên không chỉ như chủ thể của lịch sử, mà còn như một cá thể cảm xúc gắn bó hữu cơ với cội nguồn gia đình và truyền thống văn hoá.

Vẻ đẹp của tâm hồn giàu tình cảm xúc của người lính còn thể hiện qua tình nghĩa sâu nặng keo sơn giữa những người đồng đội. Nhật ký chiến tranh còn phản ánh mạng lưới quan hệ xã hội của người viết. Nhiều tác giả ghi chép tỉ mỉ về đồng đội, bạn bè, những người họ gặp trên đường hành quân. Tác giả có sự quan tâm thường xuyên và đặc biệt đến những người đã gặp đã tiếp xúc trong cuộc đời. Giữa họ có những sự kết nối nhân duyên thật đa dạng và nhiều kỉ niệm.

Nhật ký Lê Anh Xuân lưu lại cẩn thận rất nhiều người trong nhật ký, đầy đủ cả tên họ, quê quán thậm chí cả đặc điểm, tính cách, chiến công, kỉ niệm với tác giả,... Những ghi chép ấy giống hệ thống liệt kê danh sách, kèm theo những mẫu lí lịch trích ngang của rất nhiều người. Rất nhiều đồng chí đã có mặt trong nhật ký Ca Lê Hiến một cách toàn vẹn tóm tắt cả đời họ như: thầy giáo Giỏi, Phạm Đình Nghiệp, Thân Minh Tám, Nguyễn Công Tông, Trương Văn Hòa, Kpa Klông, Trần Gia Hựu,... Cũng như Chu Cẩm Phong, mỗi người mà tác giả gặp lại mang theo một câu chuyện đời, và Chu Cẩm Phong đã kể về họ rất nhiều trong nhật ký của mình.

Còn quân và dân trong trang nhật ký của Nguyễn Thi lại hiện lên hết sức hào hùng, can trường, dũng cảm. Họ được miêu tả ở vị trí như những người đồng đội, đồng chí, đồng tình. Giây phút quân và dân gặp gỡ nhận ra nhau khi đã đánh bại được đồn giặc: *Đúng là đồng bào mình mà. Bộ đội kéo vào chân vì không một bộ mặt nào là sợ hãi. Bà con gặp nhau, ôm chầm lấy nhau, mừng chảy nước mắt. Quân và dân tăng thêm tình thắm thiết sau mấy năm bị cái đồn cách bức* [10]. Trong nhật ký chiến tranh của Nguyễn Thi ta thấy cả tác giả và nhân dân đều hiện lên với màu sắc sử thi anh hùng.

Hình tượng người lính bộc lộ là những người có sự nhìn nhận và đánh giá sâu sắc về những người xung quanh. Nhận thức của họ về con người chứng tỏ một hệ giá trị quan, nhân sinh quan của tác giả nhật ký trong chính cuộc đời thường nhật của họ. Đó là người có sự nhìn nhận, đánh giá các giá trị đúng – sai, tốt – xấu, cao cả – thấp hèn, cao thượng – ích kỉ, thật – giả,... Với những đánh giá ấy, tác giả gắn vào đó thái độ của mình cho từng trường hợp gặp phải ở đời sống. Qua đó, hình tượng người lính bộc lộ như một chủ thể có hệ giá trị rõ ràng, biết đánh giá con người và hiện thực. Những nhận xét, ghi chép ấy góp phần tái hiện đời sống xã hội trong chiến tranh từ góc nhìn cá nhân, đồng thời thể hiện chiều sâu nhân sinh quan của người viết.

Hơn thế, những dòng nhật kí ấy không chỉ có giá trị trong quá khứ mà còn mang ý nghĩa sâu sắc đối với thế hệ hôm nay. Trong một thời đại hoà bình, khi không còn phải đối diện với bom đạn, lí tưởng yêu nước vẫn cần được tiếp nối dưới những hình thức mới: học tập, lao động, cống hiến và sống có trách nhiệm với cộng đồng. Hình ảnh những người lính năm xưa nhắc nhở thế hệ trẻ hôm nay phải biết trân trọng quá khứ, ý thức rõ giá trị của độc lập – tự do, từ đó nuôi dưỡng cho mình một lí tưởng sống đúng đắn. Có thể nói, những trang nhật kí chiến trường không chỉ là “chứng nhân” của lịch sử mà còn là ngọn lửa tinh thần bất diệt, truyền lại cho mai sau. Hình tượng người lính với lí tưởng

yêu nước cao đẹp vì thế sẽ mãi là biểu tượng sáng ngời, góp phần làm nên vẻ đẹp bất tử của con người Việt Nam trong mọi thời đại.

2.2. Hình tượng người lính với nỗi đau thương mất mát, hi sinh

Như một kênh bổ sung cho diễn ngôn trung tâm thời chiến, nhật kí chiến trường lưu giữ những mảnh ghép đời sống cụ thể, giúp tái hiện đầy đủ hơn sự khốc liệt của chiến tranh, những mất mát, đau thương cùng các trạng thái cảm xúc rất thực, kể cả những phút yếu lòng của người lính. Sau năm 1975, văn xuôi hư cấu, đặc biệt là tiểu thuyết, đã có nhiều thể nghiệm theo hướng thể sự, đời tư nhằm nhận diện sâu hơn hiện thực chiến tranh từ góc nhìn hậu chiến. Có thể kể đến các tác phẩm như *Không phải trò đùa* (Khuất Quang Thụy), *Đại tá không biết đùa* (Lê Lựu), *Vòng tròn bội bạc*, *Ấn mào dĩ vãng* (Chu Lai), *Chim én bay* (Nguyễn Trí Huân), *Bến không chồng* (Dương Hương), *Nỗi buồn chiến tranh* (Bảo Ninh), *Một ngày và một đời* (Lê Văn Thảo), *Lạc rừng* (Trung Trung Đỉnh), *Bến đò xưa lặng lẽ* (Xuân Đức)... Với độ lùi thời gian cần thiết cho sự chiêm nghiệm và đánh giá, cái nhìn về chiến tranh trong những tác phẩm này trở nên đa chiều hơn, không còn giản lược hay một tuyền, đồng thời mở ra khả năng soi chiếu cả hiện thực chiến trường lẫn đời sống nội tâm người lính. Trong tiến trình nhận thức lại quá khứ ấy, sự xuất hiện của nhật kí chiến tranh giữ vai trò bổ khuyết đặc biệt quan trọng. Qua các nhật kí của Nguyễn Văn Thạc, Đặng Thùy Trâm, Chu Cẩm Phong, Dương Thị Xuân Quý, Lê Anh Xuân... người đọc có điều kiện tiếp cận trực tiếp với hiện thực gian khổ, ác liệt của chiến tranh, từ đó nhận thức rõ hơn những hi sinh lớn lao của các thế hệ đi trước cũng như giá trị sâu sắc của hoà bình.

Trên mỗi bước hành quân, mỗi chặng đường công tác, trong mỗi trận đánh, ranh giới giữa sự sống và cái chết trở nên mong manh đặc biệt. Trong *Nhật ký Đặng Thùy Trâm*, không gian Đức Phổ, Quảng Ngãi thực sự là một chiến trường ác liệt. Không ít ngày, bệnh xá nơi Đặng Thùy Trâm công tác ở trong tình trạng căng thẳng tột độ: “Suốt đêm ngày không gian náo động vì tiếng bom pháo, tiếng phản lực gào thét, tiếng tàu rọ, HU-1A quần lượn trên đầu. Khu rừng đầy những vết bom đạn, những cây còn lại bị úa vàng vì chất độc. Cả người cũng đã bị ảnh hưởng chất độc, toàn thể cán bộ đều mệt mỏi bơ phờ tay chân rũ rượi ăn uống không nổi” [16, tr.157]; “Dịch uy hiếp khu vực bệnh xá một cách nghiêm trọng. Những chiếc HU-1A và rọ quần sát trên cây phóng lựu đạn, hoả tiễn ngắn và nổ từng tràng đại liên nghe đến điếc tai. Pháo từ núi Chóp bắn vào nổ sát bên hầm, một mảnh pháo to chẻ nát một thân cây lát hầm ngay giữa phòng mổ” [16, tr.235]. Còn đây là những dòng ghi trong nhật kí của Dương Thị Xuân Quý: “Nhìn vào cáng, thấy anh em máu đầm chân tay, kinh quá. Một đồng chí đại đội phó hi sinh, cáng đi ngay rồi. Một đồng chí trung đội phó bị thương nặng có thể hôm nay hi sinh và 6 đồng chí khác bị thương. Ôi, cái chết đến sao đột ngột và dễ thế” [8, tr.29]. Trong nhật kí của mình, *Hoàng Thượng Lân* cũng dành nhiều trang viết miêu tả chi tiết các trận đánh ác liệt trên chiến trường: *Lát sau, lại bị một viên bay qua, đạn đi căng quá, tai con ù lên, đỉnh đỉnh, chói sáng. Con đổ vội người xuống và nghĩ: Chết chưa? Chết à?”; “Làm sao mà quên*

được nổi sự sùng sốt, bàng hoàng của con khi thấy người ta cáng sáu đồng chí đã hy sinh. Con không thể ngờ được như thế. Đồng chí Du, Thơ, Thám, Xuân, Cử, Hải mãi mãi chẳng bao giờ sống nữa. Du chết rồi nhưng không được yên, bị nó gài cho một quả lựu đạn dưới đầu, đến tối anh em ra lấy xác, lựu đạn nổ, phá thêm vào khuôn mặt ấy những hố sâu hoắm, không còn thấy đúng hình dạng của Du nữa. Đồng chí Thám khi bị thương còn ngoắc ngoải, bị địch lấy lưỡi lê đâm cho nát cổ; Trận thứ hai, đồng chí Tiến chết, Hùng bị thương là do lỗi của Tiến gây ra. Địch hãy còn ở xa nhưng Tiến sốt ruột, đã bắn trước, lẻ loi một mình. Địch tìm được mục tiêu, tập trung hỏa lực đến đúng miệng công sự. Tiến ở ngoài chết ngay, Hùng ngồi ở trong không can gì, bị ép sừng vêu cả mặt;... [4, tr.97-98]. Những dòng ghi chép chân thực, sinh động và đầy ám ảnh đã khắc hoạ sự khùng khiếp, chết chóc của chiến tranh. Đó thực sự là bức tranh thế giới bất thường, tang thương, hiện diện trong từng ánh mắt, từng gương mặt, từng số phận con người đến cả những cảnh tượng tan hoang của tự nhiên. Người đọc không ám ảnh sao được khi chứng kiến tội ác man rợ, phi nhân tính của kẻ thù với những người dân vô tội được ghi lại trong những trang nhật ký. Đó là hình ảnh của một phụ nữ Quảng Nam cho con bú, bốn thằng lính Mỹ bâu lại, giằng con chị ra, rồi bốn thằng thay nhau bú dòng sữa đó, dòng sữa mẹ chỉ dành cho đứa con yêu quý, thế mà nó cướp mất rồi hăm hiếp người mẹ cho đến chết; đó là hình ảnh của bom đạn tước đi sự sống của những người dân vô tội đầy ám ảnh: *Chị Hoà vừa đẻ đây, đứa con trai chưa đầy tháng. Hôm trước chị vừa ẵm con xuống hầm thì một mảnh pháo xé toạc lòng nôi* [4, tr.27];...

Một trong những vấn đề thường trực, trở đi trở lại trong nhật ký chiến tranh chính là sự ám ảnh, khắc khoải của cái chết. Cái chết hiện lên muôn hình vạn trạng, gắn liền với từng phút giây của người lính, trở đi trở lại trong những trang nhật ký. Trong *Nhật ký chiến tranh* của Chu Cẩm Phong, rất nhiều trạng huống của cái chết đã được ghi lại: *Trời ơi, không phải hai xác, mà là bốn xác rất thảm thương. Cúc áo quần bị xé nát bỏ một bên nằm trần truồng, ngực bị xẻo, đâm, mặt bị chém, một nhát dao đâm từ trên đỉnh đầu xuống. Khắp thân mình bị xây xát mềm nhũn. Anh mặt bị bầm nát, rạch ngang dọc, mắt bị móc không còn nhận ra hình dạng, hai cánh tay bị giập nát, đầu vỡ sọ. Hương bị một nhát dao đâm giữa mặt. Dũng bị một phát đạn giữa ngực. Thì ra bắt người, chúng hăm hiếp rồi giết bằng cách bầm nát rồi cho vào hầm giết mìn. Mình nghe tin như vậy ngồi khóc rờn rờn, thương tiếc, uất ức, căm giận. Các em ấy chết cho mình sống. Rõ ràng là vậy. Mình thấy nhói trong tim;... [7]. Trong *Mãi mãi tuổi hai mươi*, bạn đọc cũng có thể bắt gặp rất nhiều những trạng huống khác nhau của sự hi sinh, của cái chết: *Anh Phúc bị bom tiện đứt tay chân, nằm trong chiếc quan tài đỏ; Em bé miền Nam đập tay lên vũng máu;... [11].* Máu của những chiến sĩ, những người con ưu tú đã đổ xuống bởi chiến tranh. Và đến những tác giả nhật ký, họ phần lớn cũng đã hi sinh, hiến mình cho đất Mẹ: Dương Thị Xuân Quý, Hoàng Thượng Lâm, Chu Cẩm Phong, Vũ Xuân, Nguyễn Văn Thạc, Đặng Thùy Trâm, Nguyễn Văn Giá, Lê Anh Xuân,... Có thể nói, cái chết chính là một bình diện gắn liền với chiến tranh tàn bạo, khốc liệt. Nhật ký với tính năng thể loại của nó đã lưu giữ trong mình bình diện ấy một cách chân thực. Có thể bắt gặp ở bất cứ cuốn nhật ký chiến trường nào những*

hình ảnh dày đặc, đầy ám ảnh về những chết chóc, hy sinh của người lính nơi tuyến đầu của Tổ quốc. Chiến tranh gian khổ là vậy, hy sinh là vậy càng làm cho cuộc vượt lên chính mình, vượt lên hoàn cảnh của những người lính càng thêm phần chân thực và ý nghĩa.

3. KẾT LUẬN

Hình tượng người lính trong nhật ký chiến tranh, xét trong toàn bộ cấu trúc biểu đạt của thể loại, hiện lên như một chỉnh thể đa tầng và giàu tính động, được kiến tạo từ sự giao thoa giữa nhiều bình diện tồn tại: người lính trong hiện thực khốc liệt, công dân mang ý thức trách nhiệm lịch sử, chủ thể sáng tạo với năng lực tự ý thức, và con người đời thường với những rung động sâu kín. Chính sự tương tác biện chứng giữa lí tưởng và cảm xúc, giữa nghĩa vụ cộng đồng và nhu cầu cá nhân, giữa trải nghiệm trực tiếp và suy tư nội tâm đã tạo nên chiều sâu thẩm mỹ và sức sống bền vững cho hình tượng này. Từ đó, nhật ký chiến tranh vượt ra ngoài giới hạn của một dạng tư liệu lịch sử đơn thuần để trở thành một điển ngôn văn học đặc thù, nơi hiện thực được thăng hoa thành nhận thức và giá trị nhân văn. Thông qua hình tượng tác giả, người đọc không chỉ tiếp cận chiến tranh như một biến cố lịch sử, mà còn khám phá được bản chất con người trong những hoàn cảnh cực hạn – nơi mà, giữa ranh giới mong manh của sự sống và cái chết, con người vẫn không ngừng hướng tới các giá trị phổ quát của chân – thiện – mỹ như một cách khẳng định ý nghĩa tồn tại của chính mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ngọc Bạch, *Nhật ký dọc đường lưu diễn*, NXB Văn hóa – Văn nghệ, TP. Hồ Chí Minh, 2012.
2. Hà Minh Đức (Chủ biên) (2006), *Lý luận văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (Đồng chủ biên) (2004), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Hoàng Thượng Lâm (2005), *Tài hoa ra trận*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
5. Phạm Việt Long (2003), *B trọc*, Nxb Văn học, Hà Nội.
6. Chu Cẩm Phong (2011), *Nhật kí chiến tranh*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
7. Dương Thị Xuân Quý (2007), *Nhật kí chiến trường*, Nxb Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
8. Trần Đình Sử (2007), *Lý luận văn học*, t.2, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
9. Nguyễn Ngọc Tấn (2005), *Nhật kí Nguyễn Ngọc Tấn*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
10. Nguyễn Văn Thạc (2005), *Mãi mãi tuổi hai mươi* (Đăng Vương Hưng sưu tầm và giới thiệu), Nxb Thanh niên, Hà Nội.
11. Võ Tề, *Nhật ký nhà giáo vượt Trường Sơn*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006.
12. Nguyễn Huy Tường, *Nhật ký* (tập 1), NXB Thanh niên, Hà Nội, 2016.
13. Nguyễn Huy Tường, *Nhật ký* (tập 2), NXB Thanh niên, Hà Nội, 2016.
14. Nguyễn Huy Tường, *Nhật ký* (tập 3), NXB Thanh niên, Hà Nội, 2016.
15. Đặng Thùy Trâm (2005), *Nhật kí Đặng Thùy Trâm*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.

16. Lê Anh Xuân (2011), *Nhật ký Lê Anh Xuân*, Nxb Văn hóa – Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh.
17. Vũ Xuân (2005), *Nhật kí Vũ Xuân*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội.

THE IMAGE OF THE SOLDIER IN VIETNAMESE WAR DIARIES (1945–1975)

Hoang Thi Duyen

Abstract: *This article examines the image of the soldier in Vietnamese war diaries from 1945–1975 as a distinctive aesthetic and ideological construct where personal experience intersects with historical discourse. Through representative texts, the study argues that war diaries are not only records of reality but also spaces of self-awareness in which individuals confront, interpret, and construct the meaning of their existence amid hardship. The soldier appears as a multilayered figure: embodying noble revolutionary ideals while directly facing hardship, death, loss, and sacrifice; at the same time possessing a rich inner life, deep love, passionate dreams and aspirations, and a constant spirit of self-reflection. The article highlights the important role of war diaries in expanding perceptions of war from a multidimensional perspective, thereby redefining the image of the soldier as both epic in stature and profound in humanistic depth, reflecting the enduring spiritual values of the Vietnamese people during the resistance wars.*

Keywords: *image of the soldier, war diaries, literature 1945–1975, revolutionary literature*

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 12-02-2026; ngày phản biện đánh giá: 27-02-2026; ngày chấp nhận đăng: 18-3-2026)